TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2018/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 30 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 192/2018 /TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Bà Đào Thị N, sinh năm 1976, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Sơn La và ông Trương Quốc H, sinh năm 1968, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Đào Thị N và ông Trương Quốc H kết hôn với nhau từ năm 1993 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Các bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Sơn La vào ngày 24/02/1993 và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai vợ chồng, bà N, ông H chung sống hòa thuận hạnh phúc được 05 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà N đi làm xa nhà nên vợ chồng có nhiều khoảng cách, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Đến năm 2012 thì hai ông bà sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Do tình cảm không còn nên cả hai ông bà đều nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, ông H và bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà N.

[2] Ông H, bà N có 01 con chung là anh Trương Quốc K sinh năm 1994 (đã trưởng thành) có đủ khả năng lao động để tự nuôi bản thân nên Tòa án không xem xét giải quyết quyền lợi của con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông H, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông H, bà N không có nợ chung.

[5] Về lệ phí tòa án: Bà N nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Quốc H và bà Đào Thị N nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông H, bà N có 01 con chung là anh Trương Quốc K sinh năm 1994 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung vợ chồng: Bà N, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung vợ chồng: Không có

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đào Thị N nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001884 ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- UBND thị trấn TC;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga